

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

(Đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

1

Báo cáo xét thông tin tài chính giữa niên độ

3

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

4

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

6

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

7

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

8

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên
Ông Đỗ Văn Trung	Thành viên
Ông Phạm Công Hợp	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thà	Trưởng ban kiểm soát
Bà Vương Thị Hường	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Chí Công	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vi Văn Chung	Chủ tịch HĐQT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Số: 24018A/TASIC-KT

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/07/2024, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trần Huy Chiêu**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2023-258-1

Thay mặt và đại diện cho**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư Thăng Long**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B01a - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.499.063.981	23.300.842.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		786.162.177	2.658.877.765
1. Tiền	111	V.1	786.162.177	2.658.877.765
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	15.217.260.911	10.643.768.463
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.217.260.911	10.643.768.463
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.834.281.697	3.686.900.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.291.569.170	2.649.419.781
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.293.281.890	33.000.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.306.582.893	2.061.633.353
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(1.057.152.256)	(1.057.152.256)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	7.256.610.119	5.636.156.131
1. Hàng tồn kho	141		7.256.610.119	5.636.156.131
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.749.077	675.139.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	380.527.020	24.904.049
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.222.057	650.235.353
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.466.259.246	211.293.910.477
II. Tài sản cố định	220		198.208.834.208	206.781.739.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	198.208.834.208	206.776.521.173
Nguyên giá	222		326.836.723.232	326.836.723.232
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(128.627.889.024)	(120.060.202.059)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	5.218.404
Nguyên giá	228		479.800.000	479.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(479.800.000)	(474.581.596)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	3.122.793.888	3.063.318.633
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.122.793.888	3.063.318.633
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.134.631.150	1.448.852.267
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.134.631.150	1.448.852.267
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229.965.323.227	234.594.753.133

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B01a - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.295.198.092	17.814.024.135
I. Nợ ngắn hạn	310		13.279.698.092	17.798.524.135
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.448.516.633	5.452.612.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.328.406.078	1.356.892.910
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	443.867.792	427.261.917
4. Phải trả người lao động	314		816.054.950	568.106.490
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	426.893.000	151.474.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.802.420.062	9.839.313.622
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.539.577	2.862.941
II. Nợ dài hạn	330		15.500.000	15.500.000
1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		15.500.000	15.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.670.125.135	216.780.728.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	216.670.125.135	216.780.728.998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		215.865.140.000	215.865.140.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.852	8.852
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(200.000.000)	(200.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		832.832.556	715.094.820
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.143.727	400.485.326
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.026.204	206.295.014
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		164.117.523	194.190.312
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.965.323.227	234.594.753.133

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Chức vụ: **CHỦ TỊCH HĐQT**

Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An

Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

Mẫu số B02a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.790.285.550	21.175.520.860
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.790.285.550	21.175.520.860
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.726.899.918	17.590.907.157
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.063.385.632	3.584.613.703
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	300.941.032	327.137.393
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.762.412	5.612.926
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.762.412	5.612.926
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	59.683.773	56.183.410
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.079.483.576	3.610.695.699
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		219.396.903	239.259.061
10. Thu nhập khác	31	VI.7	17.000.000	4.477.966
11. Chi phí khác	32	VI.8	25.000.000	999.137
12. Lợi nhuận khác	40		(8.000.000)	3.478.829
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		211.396.903	242.737.890
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	47.279.380	48.547.578
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		164.117.523	194.190.312
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		8	9

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An



Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

Mẫu số B03a - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	211.396.903	242.737.890
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.572.905.369	8.209.237.179
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(300.941.032)	(327.137.393)
Chi phí lãi vay	06	5.762.412	0
Các khoản điều chỉnh khác	07	117.737.736	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.606.861.388	8.124.837.676
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	725.100.981	955.362.814
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.620.453.988)	(153.273.170)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.783.309.484)	(5.596.560.991)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.401.854)	(392.277.374)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.762.412)	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(100.595.138)	(55.985.369)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.845.912	282.888.495
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(882.030.361)	(2.219.302.856)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	2.941.255.044	945.689.225
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(59.475.255)	(270.150.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.693.492.448)	(6.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.120.000.000	6.738.839.817
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.472.545	0
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.578.495.158)	168.689.817
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.912.073.236	0
2. Tiền chi trả gốc vay	34	(1.912.073.236)	(4.102.373.595)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(235.475.474)	(230.523.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(235.475.474)	(4.332.897.556)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.872.715.588)	(3.218.518.514)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.658.877.765	4.838.822.910
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	786.162.177	1.620.304.396

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Dũng

Đỗ Thuý An



Vi Văn Chung

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu, được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban Nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 6200000230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày 05/01/2016, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13/06/2017.

- Tên giao dịch bằng tiếng anh: LAI CHAU CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 215.865.140.000 VND.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

Vốn thực góp tính đến thời điểm 30/06/2024 là **215.865.140.000 VND** (Hai trăm mười lăm tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Gia công cơ khí; Xử lý tráng phủ kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Trong năm tài chính 2023, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ dạy nghề, dịch vụ bến xe và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024, không có sự kiện đặc biệt về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường hoặc các sự kiện lớn khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024, Công ty không có công ty con, công ty liên doanh liên kết hoặc đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có 141 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2023 là 141 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kì kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp” đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của từng mặt hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-08
Hệ thống cấp nước và tài sản cố định khác	20-25

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và cần kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ khoản chi phí đi vay liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện được vốn hoá theo như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo này để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng cổ đông thông qua.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán nước sạch: Đối với hoạt động cung cấp nước sạch là số tiền cung cấp nước sạch ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thời điểm xác định doanh thu là ngày xác nhận chỉ số đồng hồ và được ghi trên hóa đơn tính tiền nước

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

sạch. Doanh thu bán nước sạch được xác định trên cơ sở đơn giá bán nước do Công ty công bố trên website <https://capnuoclaichau.com.vn/> theo từng giai đoạn (Đơn giá công bố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt) và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của khách hàng tại thời điểm kết thúc tháng đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu của hoạt động tài chính được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác: Thu nhập được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền	786.162.177	2.658.877.765
Tiền mặt tại quỹ	186.152.354	34.509.607
Tiền gửi ngân hàng	600.009.823	2.624.368.158
Các khoản tương đương tiền	0	0
Cộng	786.162.177	2.658.877.765

2. Các khoản đầu tư tài chính

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	15.217.260.911	0	10.643.768.463	0
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.217.260.911	0	10.643.768.463	0
Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	15.217.260.911	-	10.643.768.463	-

(*): Bao gồm các hợp đồng tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng với lãi suất tiền gửi từ 2,9% - 5,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.291.569.170	1.057.152.256	2.649.419.781	1.057.152.256
Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889	1.002.346.889
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	0	0	1.014.294.866	0
Các khách hàng còn lại	289.222.281	54.805.367	632.778.026	54.805.367
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.291.569.170	1.057.152.256	2.649.419.781	1.057.152.256

Trong đó:

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	0	0	0	0
--	----------	----------	----------	----------

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Trả trước người bán ngắn hạn	1.293.281.890	0	33.000.017	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng P&T Điện Biên	693.000.468	0	0	0
Công ty TNHH Môi trường công nghệ cao Nam An	250.000.000	0	0	0
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp chuyên ngành	167.440.000	0	0	0
Các khách hàng còn lại	182.841.422	0	33.000.017	0
b. Trả trước người bán dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.293.281.890	0	33.000.017	0

Trong đó:

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	0	0	0	0
--	----------	----------	----------	----------

5. Phải thu khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.306.582.893	0	2.061.633.353	0
Tạm ứng cho công nhân viên	68.566.706	0	30.226.706	0
Các khoản phải thu khác	2.238.016.187	0	2.031.406.647	0
- UBND Tỉnh Lai Châu (Giá trị đầu tư điều chỉnh giảm sau Quyết toán vốn đầu tư dự án) (*)	1.872.938.396	0	1.872.938.396	0
- Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	264.494.017	0	158.468.251	0
- Kinh phí công đoàn	95.980.000	0	0	0
- Phải thu khác	4.603.774	0	0	0
b. Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	2.306.582.893	0	2.061.633.353	0

Trong đó:

c. Phải thu khác là các bên liên quan				
- UBND Tỉnh Lai Châu	1.872.938.396	0	1.872.938.396	0

(*): Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang điều chỉnh giảm giá trị quyết toán sau thời điểm Công ty chuyển đổi cổ phần hoá. Việc điều chỉnh giá trị quyết toán này phụ thuộc vào văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Lai Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

6. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công cụ, dụng cụ	75.580.000	0	100.680.000	0
Chi phí SX, KD dở dang	774.167.298	0	471.478.402	0
Hàng hóa	6.406.862.821	0	5.063.997.729	0
Cộng	7.256.610.119	0	5.636.156.131	0

7. Chi phí trả trước

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn	380.527.020	24.904.049
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	281.359.278	24.904.049
Các khoản khác	99.167.742	0
b. Dài hạn	1.134.631.150	1.448.852.267
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	763.194.682	1.448.852.267
Các khoản khác	371.436.468	0
Cộng	1.515.158.170	1.473.756.316

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	31.051.485.072	39.141.196.046	1.124.230.908	0	255.519.811.206	326.836.723.232
Phân loại lại	72.116.847.636	9.807.596.190	162.585.067.307	1.465.087.273	(245.974.598.406)	0
Tại ngày 30/06/2024	103.168.332.708	48.948.792.236	163.709.298.215	1.465.087.273	9.545.212.800	326.836.723.232
HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	20.657.343.710	20.990.639.902	513.554.682		77.898.663.765	120.060.202.059
Tăng trong kỳ	2.442.384.138	1.798.500.738	4.032.850.641	77.854.224	216.097.224	8.567.686.965
Phân loại lại	7.986.910.270	855.601.274	66.057.124.039	502.423.012	(75.402.058.595)	0
Tại ngày 30/06/2024	31.086.638.118	23.644.741.914	70.603.529.362	580.277.236	2.712.702.394	128.627.889.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	10.394.141.362	18.150.556.144	610.676.226	0	177.621.147.441	206.776.521.173
Tại ngày 30/06/2024	72.081.694.590	25.304.050.322	93.105.768.853	884.810.037	6.832.510.406	198.208.834.208

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 11.295.213.926 VND (Tại ngày 31/12/2023 là 10.670.431.325 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	479.800.000	479.800.000
Tại ngày 30/06/2024	479.800.000	479.800.000
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	474.581.596	474.581.596
Tăng trong năm	5.218.404	5.218.404
Tại ngày 30/06/2024	479.800.000	479.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	5.218.404	5.218.404
Tại ngày 30/06/2024	0	0

10. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Cộng	0	0	0	0
b. Xây dựng cơ bản dở dang				
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên	3.060.579.199	3.060.579.199	3.060.579.199	3.060.579.199
- Tuyến ống cấp nước bán San Thàng 1 - Thành phố Lai Châu	2.739.434	2.739.434	2.739.434	2.739.434
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống tuyến ống dịch vụ trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024	59.475.255	59.475.255	0	0
Cộng	3.122.793.888	3.122.793.888	3.063.318.633	3.063.318.633

11. Phải trả người bán

	30/06/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	1.448.516.633	1.448.516.633	5.452.612.055	5.452.612.055
Công ty TNHH Một thành viên Phương Thảo	0	0	1.853.353.000	1.853.353.000
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quý Phú	0	0	514.874.600	514.874.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng P&T Điện Biên	0	0	1.664.588.532	1.664.588.532
Công ty TNHH Khoa học TSL	219.069.000	219.069.000	0	0
Công ty Cổ phần DNP HAWACO	645.192.000	645.192.000	0	0
Công ty TNHH Vật tư ngành nước Thanh Hằng	184.510.143	184.510.143	0	0
Các đối tượng khác	399.745.490	399.745.490	1.419.795.923	1.419.795.923
b. Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.448.516.633	1.448.516.633	5.452.612.055	5.452.612.055

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<u>Trong đó:</u>				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
d. Phải trả các bên liên quan	0	0	0	0

12. Người mua trả tiền trước

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.328.406.078	1.328.406.078	1.356.892.910	1.356.892.910
Ban QLDA thành phố Lai Châu	1.316.897.850	1.316.897.850	1.316.897.850	1.316.897.850
Các đối tượng khác	11.508.228	11.508.228	39.995.060	39.995.060
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Cộng	1.328.406.078	1.328.406.078	1.356.892.910	1.356.892.910
<u>Trong đó:</u>				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
d. Phải trả các bên liên quan	0	0	0	0

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	0	1.079.357.881	1.079.357.881	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.595.136	47.279.380	100.595.138	47.279.378
Thuế thu nhập cá nhân	0	12.905.800	12.905.800	0
Thuế tài nguyên	10.079.225	62.431.827	60.800.421	11.710.631
Thuế khác	0	6.000.000	6.000.000	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	316.587.556	1.666.429.770	1.598.139.543	384.877.783
Cộng	427.261.917	2.874.404.658	2.857.798.783	443.867.792
b. Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

14. Chi phí phải trả

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn	426.893.000	151.474.200
Trích trước phí kiểm toán và tư vấn	25.000.000	60.000.000
Trích trước lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	161.040.000	0
Trích trước chi phí sản xuất nước	193.853.000	0
Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	47.000.000	47.000.000
Các khoản khác	0	44.474.200
b. Dài hạn	0	0
Cộng	426.893.000	151.474.200

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

15. Phải trả khác

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn	8.802.420.062	9.839.313.622
Bảo hiểm xã hội	3.574.523	69.002.952
Bảo hiểm y tế	751.889	12.297.970
Bảo hiểm thất nghiệp	280.352	5.411.996
Phải trả về cổ phần hóa	5.875.634	5.875.634
Nhận ký cược, ký quỹ	41.100.000	151.033.566
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	32.490.341	27.483.096
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.718.347.323	9.568.208.408
- UBND tỉnh Lai Châu (Trả nợ thay nợ vay Cơ quan hợp tác phát triển Na Uy (Norad))	0	849.861.085
- UBND tỉnh Lai Châu (vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá) (*)	8.707.337.232	8.707.337.232
- Phải trả khác	11.010.091	11.010.091
b. Dài hạn	0	0
c. Số nợ chưa thanh toán	0	0
<u>Trong đó:</u>		
d. Phải trả khác là các bên liên quan		
- UBND tỉnh Lai Châu	8.707.337.232	9.557.198.317

(*): Chi tiết vốn đầu tư dự án cấp bổ sung thực hiện dự án giai đoạn sau cổ phần hoá

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công trình cấp nước Thị trấn huyện Sìn Hồ	4.801.652.784	4.801.652.784
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn I	1.159.881.306	1.159.881.306
- Công trình cấp nước Thành phố Lai Châu Giai đoạn II	2.745.803.142	2.745.803.142

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2023	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	599.559.768	393.143.044	216.657.851.664
Lợi nhuận năm trước	0	0		0	392.459.122	392.459.122
Trích quỹ	0	0		115.535.052	(154.046.736)	(38.511.684)
Chia cổ tức	0	0		0	(231.070.104)	(231.070.104)
Tại ngày 31/12/2023	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	715.094.820	400.485.326	216.780.728.998
Tại ngày 01/01/2024	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	715.094.820	400.485.326	216.780.728.998
Lợi nhuận kỳ này	0	0		0	164.117.523	164.117.523
Trích quỹ theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu	0	0	0	117.737.736	(156.983.648)	(39.245.912)
Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu	0	0	0	0	(235.475.474)	(235.475.474)
Tại ngày 30/06/2024	215.865.140.000	8.852	(200.000.000)	832.832.556	172.143.727	216.670.125.135

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
UBND tỉnh Lai Châu	211.219.140.000	211.219.140.000
Các cổ đông khác	4.646.000.000	4.646.000.000
Cộng	215.865.140.000	215.865.140.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	215.865.140.000	215.865.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	215.865.140.000	215.865.140.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	235.475.474	231.070.104

d. Cổ phiếu

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.586.514	21.586.514
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.586.514	21.586.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.566.514	21.566.514
+ Cổ phiếu phổ thông	21.566.514	21.566.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng, lắp đặt mạng lưới cấp nước	1.688.822.850	2.160.157.210
Doanh thu cung cấp nước sạch	19.101.462.700	19.015.363.650
Cộng	20.790.285.550	21.175.520.860

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn hàng bán, lắp đặt mạng lưới cấp nước	644.816.195	1.794.483.601
Giá vốn cung cấp nước sạch	16.082.083.723	15.796.423.556
Cộng	16.726.899.918	17.590.907.157

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.941.032	327.137.393
Cộng	300.941.032	327.137.393

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đồng Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

4. Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	5.762.412	5.612.926
Cộng	5.762.412	5.612.926

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.683.773	56.183.410
Cộng	59.683.773	56.183.410

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.455.660	159.589.004
Chi phí nhân công	2.393.907.515	2.211.995.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.020.606	190.584.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.804.544	208.568.790
Chi phí khác bằng tiền	1.204.295.251	839.957.484
Cộng	4.079.483.576	3.610.695.699

7. Thu nhập khác

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Truy thu tiền nước sử dụng trái phép	17.000.000	0
Các khoản khác	0	4.477.966
Cộng	17.000.000	4.477.966

8. Chi phí khác

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Các khoản phạt hành chính và truy thu thuế	25.000.000	0
Các khoản khác	0	999.137
Cộng	25.000.000	999.137

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	47.279.380	48.547.578
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.279.380	48.547.578

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

(*): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	211.396.903	242.737.890
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế TNDN	0	0
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	25.000.000	0
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	0	0
Thu nhập chịu thuế TNDN trong năm	236.396.903	242.737.890
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.279.381	48.547.578

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.933.221.266	1.196.257.846
Chi phí nhân công	7.141.584.100	5.752.476.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.572.905.369	8.209.237.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.578.701	986.948.250
Chi phí khác bằng tiền	1.427.232.500	3.294.612.406
Cộng	20.520.521.936	19.439.531.772

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2. Thông tin về các bên liên quan**a. Giao dịch với chủ sở hữu**

- UBND tỉnh Lai Châu là cổ đông sở hữu 97,85% vốn điều lệ (tương đương 211.219.140.000 VND). Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với UBND tỉnh Lai Châu chi tiết như sau:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	1.872.938.396	0	0	1.872.938.396
Phải trả khác	8.707.337.232	0	0	8.707.337.232
Chia cổ tức 2023	0	230.225.925	230.225.925	0

b. Giao dịch với thành viên chủ chốt

- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	234.702.265	592.663.038	666.001.980	161.363.323

- Ban kiểm soát:

Nội dung	Tại ngày 01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Lương, thù lao Ban kiểm soát	62.523.482	187.939.728	205.458.855	45.004.354

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU

Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông Phong, Tp. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

3. Điều chỉnh hồi tố

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh hồi tố	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh hồi tố
1	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	166.974.200	(15.500.000)	151.474.200
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	0	15.500.000	15.500.000

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh hồi tố	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh hồi tố
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.643.651.935	0	7.643.651.935

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023:

Không ảnh hưởng.

Các sai sót ước tính kế toán năm 2023:

- Điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 số tiền 15.500.000 VND do:
 - ✓ Trích bổ sung Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo yêu cầu tại Báo cáo ngày 24/05/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Báo cáo kết quả giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2023 của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Lai Châu làm chủ sở hữu số tiền 15.500.000 VND.
 - ✓ Điều chỉnh giảm chi phí công tác với số tiền 15.500.000 VND.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, những ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này sẽ được điều chỉnh hồi tố. Thay đổi này làm Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty thay đổi như trình bày ở trên.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2024 trên Bảng cân đối kế toán và 6 tháng đầu năm 2023 trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Lai Châu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

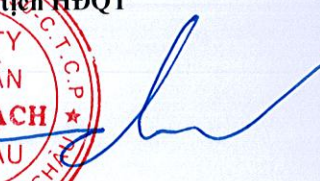
Người lập biểu

Kế toán trưởng


Phạm Văn Dũng


Đỗ Thuý An




Vũ Văn Chung